Chi tiết mã HS 2903.74.00

Mã HS	2903.74.00
Mô tả hàng hóa	Dẫn xuất halogen hóa của hydrocarbon / - Các dẫn xuất halogen hóa của hydrocarbon mạch hở chứa hai hoặc nhiều halogen khác nhau: / - - Clorodifloroetan (HCFC-142, 142b)
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	04/11/2026 09:53:18
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29037400/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3880
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3880
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3880
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường	MT	Chịu thuế BVMT – xem biểu	579/2018/UBTVQH14	2018-09-26	BT2026!CV3880
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ3880
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3824
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3785
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3785
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3785
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3785
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3785
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3785
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3823
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3823

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3823
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3823
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3823
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3823
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3827
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3827
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3827
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3827
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3827
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3827
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3827
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3791
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3787
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3787
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3787
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3787
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3787
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3787
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3787
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3787
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3787
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3787
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3787
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3787
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3834
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3834

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3834
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3834
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3834
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3834
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3831
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3831
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3831
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3831
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3831
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3831
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3839
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3839
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3839
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3839
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3839
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3839
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3810
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3810
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3810
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3810
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3810
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3810
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3812
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3812
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3812
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3812

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3812
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3812
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3810
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3810
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3810
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3810
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3810
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3810
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3810
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3831
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3831
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3831
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3831
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3831
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3831
RCEP B	2022	2022	0	B!D3831
RCEP B	2023	2023	0	B!E3831
RCEP B	2024	2024	0	B!F3831
RCEP B	2025	2025	0	B!G3831
RCEP B	2026	2026	0	B!H3831
RCEP B	2027	2027	0	B!I3831
RCEP C	2022	2022	0	C!D3831
RCEP C	2023	2023	0	C!E3831
RCEP C	2024	2024	0	C!F3831
RCEP C	2025	2025	0	C!G3831
RCEP C	2026	2026	0	C!H3831

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3831
RCEP D	2022	2022	0	D!D3831
RCEP D	2023	2023	0	D!E3831
RCEP D	2024	2024	0	D!F3831
RCEP D	2025	2025	0	D!G3831
RCEP D	2026	2026	0	D!H3831
RCEP D	2027	2027	0	D!I3831
RCEP E	2022	2022	0	E!D3834
RCEP E	2023	2023	0	E!E3834
RCEP E	2024	2024	0	E!F3834
RCEP E	2025	2025	0	E!G3834
RCEP E	2026	2026	0	E!H3834
RCEP E	2027	2027	0	E!I3834
RCEP F	2022	2022	0	F!D3831
RCEP F	2023	2023	0	F!E3831
RCEP F	2024	2024	0	F!F3831
RCEP F	2025	2025	0	F!G3831
RCEP F	2026	2026	0	F!H3831
RCEP F	2027	2027	0	F!I3831
VIFTA	2024	2024	4,5	VI!F3515
VIFTA	2025	2025	4	VI!G3515
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H3515
VIFTA	2027	2027	3	VI!I3515

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-003	YELLOW	Chịu thuế bảo vệ môi trường	Cột BVMT ghi “MT” – thuế tuyệt đối theo đơn vị hàng hóa.		109/2025/UBTVQH15	Tra mức thuế theo biểu BVMT 2026 và nhập số lượng để tính.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2903.74.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 2903.74.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3880), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.